

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-PT

Ngày: 09 - 7 - 2026

V/v tranh chấp yêu cầu chia tài sản
chung và nợ chung của vợ chồng sau
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Phụng.

Ông Phạm Tiến Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Kim Mộc Nam – Thư ký viên của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thanh Vũ – Kiểm sát viên

Trong các ngày 08 và 09 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2026/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc “*Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung vợ chồng sau khi ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 49/2025/HNGĐ-ST, ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 856/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Đoàn Vũ P, sinh năm 1996. Địa chỉ: C T, phường N (phường X, quận N cũ), thành phố Cần Thơ. CCCD: 092096000959 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/8/2021 (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1995. Địa chỉ: C T, phường N (phường X, quận N cũ), thành phố Cần Thơ. CCCD: 086195005405 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 05/4/2022 (có mặt).

Đại diện theo ủy quyền cho bà H: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1968. Địa chỉ: số C, đường Đ, phường B, thành phố Cần Thơ, theo văn bản ủy quyền ngày 18/3/2026 (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ hiện nay: C T, phường N (phường X, quận N cũ), thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

2. Ngân hàng TMCP Đ1 (P1). Địa chỉ: B N, phường C (phường T, quận H) thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông Huỳnh Cảnh K, sinh năm: 1988 (vắng mặt)

- Ông Trần Phương K1, sinh năm: 1992 (có mặt ngày 8/7/2026, vắng mặt ngày 9/7/2026)

Cùng địa chỉ: Lầu F - A T, phường N (phường T, quận N cũ), thành phố Cần Thơ. Địa chỉ hiện nay: Lầu E, số A, đường C, phường N, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Đoàn Vũ Phương trình B: Ông và bà Nguyễn Thị Thúy H kết hôn vào năm 2017, đến năm 2023 do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra nên vợ chồng đã ly hôn vào tháng 9 năm 2023. Trong quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được một số tài sản. Tuy nhiên, do tin tưởng vợ nên ông để cho bà H đứng tên toàn bộ tài sản chung của hai vợ chồng. Do khi ly hôn ông và bà H chỉ yêu cầu tòa giải quyết về hôn nhân và con chung, về tài sản để tự thỏa thuận. Nhưng đến nay không thể thỏa thuận được. Chính vì vậy ông khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia đôi giá trị các tài sản chung có trong thời kỳ hôn nhân, cụ thể:

1. Thửa đất số 421, tờ bản đồ số 32, diện tích 43,1m² tọa lạc tại C T, P. X, Q. N, Tp .. Trị giá khoảng 1.000.000.000 đồng;

2. Thửa đất số 219, tờ bản đồ số 39, GNNQSDĐ số: CY467295, sổ vào sổ cấp GNN: CS11529, diện tích 126,5m² tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, được sở T1 cấp ngày 03/11/2020. Trị giá khoảng 200.000.000 đồng.

3. Thửa đất số 218, tờ bản đồ số 39, GNNQSDĐ số: CY467296, sổ vào sổ cấp GNN: CS11530, diện tích 166,6m² tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, được sở T1 cấp ngày 22/10/2020. Trị giá khoảng 200.000.000 đồng.

4. 01 (một) chiếc xe honda hiệu SH biển số đăng ký 65M1-101.65 mang tên Đoàn Vũ P. Trị giá khoảng 100.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn xác định các tài sản mà ông yêu cầu chia là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, cần thu thập thêm chứng cứ, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, theo đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, ngày 21/02/2025, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với:

- Thừa đất số 219, tờ bản đồ số 39, GNNQSDĐ số: CY467295, sổ vào sổ cấp GNN: CS11529, diện tích 126,5m² tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, được sở T1 cấp ngày 03/11/2020. Trị giá khoảng 200.000.000 đồng;

- Thừa đất số 218, tờ bản đồ số 39, GNNQSDĐ số: CY467296, sổ vào sổ cấp GNN: CS11530, diện tích 166,6m² tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, được sở T1 cấp ngày 22/10/2020. Trị giá khoảng 200.000.000 đồng;

Nguyên đơn giữ nguyên các yêu cầu: chia thừa đất số 421, tờ bản đồ 32, diện tích 43.1m² tọa lạc tại C T, phường X, quận N, Tp ., ông yêu cầu được nhận 1/2 giá trị thừa đất theo giá thị trường và chia 01 chiếc xe honda hiệu SH, ông yêu cầu được chia 1/2 giá trị của xe theo giá thẩm định, ông sẽ là người nhận hiện vật.

Sau khi tiến hành thẩm định giá tài sản tranh chấp, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu chia tài sản, thay đổi yêu cầu về cách thức chia, cụ thể:

- Yêu cầu nhận hiện vật đổi với 01 chiếc xe honda hiệu SH biển số đăng ký 65M1-101.65 mang tên Đoàn Vũ P, về giá trị, ông thống nhất theo giá do đơn vị thẩm định xác định.

- Đối với thừa đất số 421, tờ bản đồ số 32, GNNQSDĐ số: CP090641, sổ vào sổ cấp GNN: CS03414, diện tích 43.1m² tọa lạc tại C đường T, phường N (phường X, quận N cũ), thành phố Cần Thơ; Theo chứng thư thẩm định giá, số 039/2025/661/CT, ngày 13/8/2025 của Công ty cổ phần T2, xác định giá trị tài sản là 1.956.000.000 đồng, nguyên đơn thấy rằng giá tại chứng thư thấp so với thực tế. Tuy nhiên, do không có điều kiện để thẩm định lại nên nguyên đơn không có ý kiến và đề nghị được nhận hiện vật, sẽ thanh toán lại 1/2 giá trị cho bị đơn

Đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng Đ1 yêu cầu ông và bà H trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng, ông xác định đây là nợ chung của hai vợ chồng và đồng ý chia đôi khoảng nợ với bị đơn, ông sẽ thanh toán cho ngân hàng sau khi giải quyết xong vụ kiện và nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu độc lập của bà Tuyết M và trình bày của bà H.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày: Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý. Theo bị đơn nguồn gốc các tài sản mà nguyên đơn yêu cầu chia đều của bà Tuyết M (là mẹ ruột của bị đơn) nhờ bà đứng tên giữ, chứ không phải là của hai vợ chồng và do hai vợ chồng tạo lập như trình bày của nguyên đơn. Đối với cách thức chia tài sản do nguyên đơn đề nghị bà cũng không đồng ý. Về trị giá tài sản theo ghi nhận tại chứng thư số 039/2025/661/CT, ngày 13/8/2025 của Công ty cổ phần T2, xác định giá trị của tài sản theo GNNQSDĐ số: CP090641, sổ vào sổ cấp GNN: CS03414, là 1.956.000.000 đồng, bà thống nhất không có ý kiến gì;

Tại Bản tự khai ngày 29/3/2025, bà H có trình bày có thêm các tài sản: Xe Honda SH - biển kiểm soát 65M1 - 101.65; Xe Honda Dior - biển kiểm soát 65AA - 099.43; Xe Honda Wave Alpha - biển kiểm soát 65N1 - 2345; 01 Honda Dream - biển kiểm soát 67C1-001.28; Hiện tại bà chỉ quản lý và sử dụng một chiếc xe Honda SH còn các chiếc xe còn lại do ông P quản lý và sử dụng. Tuy nhiên, bà H không có yêu cầu gì đối với các tài sản này.

Đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Đ1, yêu cầu bà liên đới với ông P trả nợ theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng, quá trình giải quyết, bà H xác định là nợ chung của hai vợ chồng nên bà đồng ý, và yêu cầu nguyên đơn có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền còn nợ. Tuy nhiên, đến buổi hoà giải ngày 25/8/2025, bà H thay đổi ý kiến, bà cho rằng mặc dù hợp đồng tín dụng là do bà và ông P đứng tên vay, nhưng mục đích là để vay giúp bà M, để bà M trả tiền mua nhà và đất tại địa chỉ C T, nên bà cho rằng đây là nợ riêng của bà M và phần này bà M sẽ có nghĩa vụ trả cho ngân hàng. Từ đó bà đồng ý với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Tuyết M.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì khoảng năm 2019 do có nhu cầu về nhà ở tại Cần Thơ nên bà có gặp bà Quách M1, mua căn nhà và đất theo giấy chứng nhận QSD đất nói trên do bà M1 đứng tên với giá 2.450.000.000 đồng. Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà M1 đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đ1, nên bà có liên hệ với Ngân hàng cho vay lại bằng số tiền 820.000.000 đồng, bà Quách M1 còn nợ Ngân hàng. Được sự đồng ý từ phía Ngân hàng cho bà vay lại sau khi nhận chuyển nhượng nhà và đất của bà Quách M1, nên các bên tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng vào ngày 30/01/2019, bà nhờ con là Nguyễn Thị Thúy H đứng tên giữ trên hợp đồng chuyển nhượng. Cùng ngày 30/01/2019 con bà là Nguyễn Thị Thúy H và con rể là Đoàn Vũ P có ký hợp đồng tín dụng số 37/2019/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đ1 - Chi nhánh T3 tại địa chỉ B L, phường A, quận N, TP Cần Thơ để vay số tiền 820.000.000đ, tài sản bảo đảm là căn nhà và đất tại địa chỉ số C, T, phường X, quận N, TP Cần Thơ. Sau khi được cấp chính lý nhà và đất nói trên qua tên con bà Nguyễn Thị Thúy H vào ngày 18/02/2019 thì con tôi ký tiếp hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho Ngân hàng vào ngày 22/02/2019 để đảm bảo cho hợp đồng vay số 37/2019/HĐTD ngày 30/01/2019 đối với số tiền vay 820.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà là người đưa tiền đóng lãi và trả gốc cho Ngân hàng. Do đó bà không thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi chia tài sản là nhà và đất tại địa chỉ C T, phường X, quận N, TP Cần Thơ. Còn chiếc xe honda SH biển số đăng ký 65M1-101.65 mang tên Đoàn Vũ P, cũng là tài sản do bà bỏ tiền ra mua, bà yêu cầu ông P và bà H giao trả xe lại cho bà và yêu cầu Tòa án buộc bà Thúy H phải ký hợp đồng chuyển nhượng trả lại cho bà căn nhà và đất tại địa chỉ số C, T, theo Giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ cấp GCN: CS 03414, thửa 421, tờ bản đồ số 32 với diện tích 43,1m² được Sở T1 cấp ngày 05/12/2018, cấp chính lý ngày 18/02/2019 mang tên Nguyễn Thị Thúy H.

Đối với khoản nợ theo hợp đồng giữa ông P và bà H với P1, bà đồng ý trả tất nợ cho ngân hàng.

Đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng TMCP Đ1 trình bày: Ngân hàng giữ nguyên ý kiến tại Đơn yêu cầu độc lập ngày 10/4/2025, tài sản bảo đảm được hình thành trong thời kỳ hôn nhân và Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được hai bên ký kết với ông Đoàn Vũ P và bà Nguyễn Thị Thúy H theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Nên trước khi thực

hiện phân chia tài sản thì ông Đoàn Vũ P và bà Nguyễn Thị Thúy H phải hoàn thành nghĩa vụ nợ đối với P1.

- Buộc ông Đoàn Vũ P và bà Nguyễn Thị Thúy H liên đới thanh toán cho P1 tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25.8.2025, là 554.624.441 đồng và Ngân hàng yêu cầu ông P và bà H phải thanh toán toàn bộ số nợ này cho ngân hàng trước khi phân chia tài sản.

- Ông Đoàn Vũ P và bà Nguyễn Thị Thúy H phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 26/8/2025 theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 37/2019/HĐTD/PVB-PGDLT ("Hợp đồng tín dụng") và Phụ lục Hợp đồng cho vay số: PL01-37/2019/HĐTD/PVB-PGDLT ngày 22/02/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Nếu ông Đoàn Vũ P và bà Nguyễn Thị Thúy H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì P1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 48/2019/HĐBĐ/PVB-PGDLT ngày 22/02/2019 để thu hồi nợ.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Đoàn Vũ P và bà Nguyễn Thị Thúy H đối với P1. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Đoàn Vũ P và bà Nguyễn Thị Thúy H vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho P1.

Những phần còn lại không liên quan thì P1 không có ý kiến;

Tại bản án số 49/2025/HNGĐ-ST ngày 19/9/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cần Thơ, đã quyết định như sau:

Áp dụng Điều 33, Điều 37, Điều 59, Điều 60 và Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 351, Điều 401, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 90, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn của nguyên đơn ông Đoàn Vũ P đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H, các tài sản gồm:

- 01 xe mô tô hiệu Honda SH, biển số đăng ký 65M1-101.65 mang tên Đoàn Vũ P; Nhà và đất theo GNNQSDĐ số: CP090641, sổ vào sổ cấp GNN: CS03414, cấp nhận chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thúy H ngày 18/02/2019; tài sản tọa lạc tại C T, phường N (phường X, quận N cũ), thành phố Cần Thơ. Ông Đoàn Vũ P sẽ được nhận $\frac{1}{2}$ tài sản chung bằng giá trị và bà Nguyễn Thị Thúy H được nhận $\frac{1}{2}$ tài sản chung bằng hiện vật, cụ thể:

- Giao 01 xe mô tô hiệu Honda SH, biển số 65M1-10165, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 65 016483; Số đăng ký 65M1-10165, do Công an quận N (cũ) cấp cho ông Đoàn Vũ P vào ngày 29/7/2023, cho bà Nguyễn Thị Thúy H; Bà H phải thanh toán lại cho ông P $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 72.500.000 đồng;

- Tạm giao cho bà Nguyễn Thị Thúy H tiếp tục quản lý sử dụng tài sản là nhà và đất tọa lạc tại C T, phường N (phường X, quận N cũ), thành phố Cần Thơ; Theo GNNQSDĐ số: CP090641, số vào sổ cấp GNN: CS03414, cấp nhận chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thúy H ngày 18/02/2019. Sau khi ông P và bà H thực hiện xong nghĩa vụ theo Hợp đồng cho vay số 37/2019/HĐTD/PVB-PGDLT ("Hợp đồng tín dụng") và Phụ lục Hợp đồng cho vay số: PL01-37/2019/HĐTD/PVB-PGDLT ngày 22/02/2019 đối với Ngân hàng TMCP Đ1, thì tài sản còn lại được chia theo tỷ lệ 1:1.

Bà Nguyễn Thị Thúy H phải thanh toán lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản còn lại tại thời điểm thanh toán cho ông Đoàn Vũ P.

Sau khi bà H hoàn tất nghĩa vụ đối với các đương sự, bà H có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để cập nhật quyền sở hữu tài sản;

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Đ1, buộc ông Đoàn Vũ P và bà Nguyễn Thị Thúy H phải thanh toán cho P1 tổng số tiền : 549.813.782 đồng, trong đó:

Nợ gốc : 545.732.006 đồng;

Nợ lãi: 4.081.776 đồng;

Ông Đoàn Vũ P và bà Nguyễn Thị Thúy H phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 20/9/2025 theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 37/2019/HĐTD/PVB-PGDLT ("Hợp đồng tín dụng") và Phụ lục Hợp đồng cho vay số: PL01-37/2019/HĐTD/PVB-PGDLT ngày 22/02/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp ông Đoàn Vũ P và bà Nguyễn Thị Thúy H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì P1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 48/2019/HĐBĐ/PVB-PGDLT ngày 22/02/2019 để thu hồi nợ.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Tuyết M đối với ông Đoàn Vũ P và bà Nguyễn Thị Thúy H;

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Vũ P đối với yêu cầu chia tài sản chung là: Thửa đất số 219, tờ bản đồ số 39, GNNQSDĐ số: CY467295, số vào sổ cấp GNN: CS11529, diện tích 126,5m² tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, được sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 03/11/2020 và thửa đất số 218, tờ bản đồ số 39, GNNQSDĐ số: CY467296, số vào sổ cấp GNN: CS11530, diện tích 166,6m² tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, được sở T1 cấp ngày 22/10/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 01/10/2025 bà Nguyễn Thị Tuyết M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án thụ lý số 218/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2024 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ theo hướng: Huỷ bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ Trả hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại. Bởi các lý do sau: Thứ nhất, cấp sơ thẩm không đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện, xuất hiện tình

tiết, chứng cứ mới tại phiên tòa sơ thẩm nhưng cấp sơ thẩm không tạm dừng phiên tòa để làm rõ; Thứ hai, chưa làm rõ nguồn gốc số tiền mua căn nhà C44C Trần Khánh D; Thứ ba, nguyên đơn không chứng minh được có công sức tạo lập, đóng góp vào việc hình thành tài sản chung với bị đơn mà yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

Ngày 01/10/2023 bị đơn có đơn kháng cáo: Toàn bộ bản án sơ thẩm số 49/2025/HNGĐ-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, với các lý do: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá hết các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà không được đảm bảo. Nguyên đơn không chứng minh được ai là người đứng ra trả tiền, số tiền mua căn nhà và đất tại địa chỉ C là bao nhiêu cũng không trình bày được. Quá trình chung sống với ông P thì vợ chồng không tạo lập được tài sản chung, tài sản duy nhất là hai đứa con chung thể nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chia tài sản chung là không thuyết phục.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ trình bày: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung giải quyết vụ án sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử đối với bà Nguyễn Thị Tuyết M có kháng cáo nhưng vắng mặt không lý đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm, đình chỉ xét xử kháng cáo của bà M. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên Bản án dân sự số 49/2025/HNGĐ-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cần Thơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét kháng cáo theo quy định pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Huỳnh Cảnh K vắng mặt. Xét thấy, ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ

hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử.

[3] Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết M. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và cũng không thuộc trường hợp bất khả kháng hay trở ngại khách quan được xem như bà M từ bỏ việc kháng cáo. Nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà M.

[4] Nội dung vụ án: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn gồm các tài sản 01 chiếc xe honda hiệu SH biển số đăng ký 65M1-101.65 mang tên Đoàn Vũ P, về giá trị, ông thống nhất theo giá do đơn vị thẩm định xác định và thửa đất số 421, tờ bản đồ số 32, GNNQSDĐ số: CP090641, sổ vào sổ cấp GNN: CS03414, diện tích 43,1m² tọa lạc tại C đường T, phường N (phường X, quận N cũ), thành phố Cần Thơ, yêu cầu được nhận hiện vật, sẽ thanh toán lại ½ giá trị cho bị đơn. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tuyết M không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn mà cho rằng các tài sản này là tài sản của bà M nên bà M có yêu cầu vợ chồng ông P phải trả lại cho bà. Sau khi xem xét, đánh giá chứng cứ Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định tài sản trên là của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân và chia tài sản theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình. Không đồng ý theo quyết định trên nên bị đơn đã kháng cáo.

[5] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn với lý do cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá hết các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà không được đảm bảo. Nguyên đơn không chứng minh được ai là người đứng ra trả tiền, số tiền mua căn nhà và đất tại địa chỉ C là bao nhiêu cũng không trình bày được. Quá trình chung sống với ông P vợ chồng không tạo lập được tài sản chung, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chia tài sản chung là không thuyết phục. Căn nhà và đất tại địa chỉ C T, phường N, TP Cần Thơ có diện tích 43,1m² thửa 421, tờ bản đồ số 32 là bà đứng tên giùm bà Nguyễn Thị Tuyết M theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 30/01/2019 và để đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của bà cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Tuyết M không bị thiệt hại. Xét thấy, Thửa đất số 421, tờ bản đồ 32, diện tích 43.1m² tọa lạc tại C T, phường X, quận N, Tp ., theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CP 090641; Sổ vào sổ cấp GCN CS03414, ngày 05/12/2018, cập nhật chuyển nhượng cho Nguyễn Thị Thúy H, ngày 18/12/2019, các đương sự thống nhất nguồn gốc tài sản này được chuyển nhượng từ bà Quách M1 vào năm 2019, theo Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Quách M1 và bà Nguyễn Thị Thúy H, được công chứng tại Văn phòng C, ngày 30/01/2019. Đồng thời, theo hợp đồng cho vay số 37/2019/HĐTD/PVB-PGDLT ("Hợp đồng tín dụng") và Phụ lục Hợp đồng cho vay số: PL01-37/2019/HĐTD/PVB-PGDLT ngày 22/02/2019 thì người đứng hợp

đồng vay là ông P, bà H mục đích vay khoảng tiền này là để chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên. Bà H và bà M1 cho rằng phần đất trên do bà M1 chuyển nhượng và giao cho bà H đứng tên giữ nhưng không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh. Tại khoản khoản 3 Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình có quy định *“trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung”* và theo quy định tại khoản 1 Điều 90 của Bộ luật Tố tụng dân sự có quy định *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, ...”*. Theo bà Quách M1 trình bày bà có bán nhà và đất nói trên cho bà Nguyễn Thị Thúy H (bà H đứng tên hợp đồng chuyển nhượng ký với bà) bà H có đặt cọc cho bà 200.000.000 đồng và sau đó ra phòng Công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng. Tại văn phòng C bà H trả cho bà tiền mặt 1.500.000.000 đồng (bà đã nhận đủ số tiền 1.500.000.000 đồng), còn lại 800.000.000 đồng. Khi đến phòng công chứng Nguyễn Thanh Đ có mặt cha, mẹ của bà H và chồng bà H là ông P chứng kiến bà và bà H ký hợp đồng và giao nhận tiền; sau đó bà H và ông P vay Ngân hàng và thế chấp tài sản trên để vay tiền trả cho bà 800.000.000 đồng còn lại; đại diện Ngân hàng cũng xác định Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đối với tài sản nêu trên có ông P và bà H mục đích vay, bù đắp tiền mua bất động sản tại C44C T, là tài sản đang tranh chấp, để yêu cầu ông P và bà H thanh toán dư nợ còn lại. Tại biên hòa giải ngày 09/7/2024, bà H cũng thừa nhận khoảng nợ vay Ngân hàng là nợ chung của hai vợ chồng, bà yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn liên đới trả. Theo tài liệu chứng cứ cũng như lời trình bày của các đương sự thì khoảng vay Ngân hàng là dùng vào việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Quách M1. Bà H không cung cấp bất kỳ văn bản hay chứng cứ nào thể hiện số tiền dùng để trả cho bà Quách M1 là của bà Tuyết M, cũng như không có cơ sở xác định ông P và bà H đứng tên tài sản và vay Ngân hàng giữ cho bà M, bà Quách M1 là người chuyển nhượng quyền sử dụng đất cũng xác định ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà H và nhận tiền chuyển nhượng từ bà H. Bà H kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo.

[6] Đối với phần quyết định cấp sơ thẩm tuyên sau khi thực hiện xong nghĩa vụ liên quan đến tài sản (trả nợ xong ngân hàng) và trả cho ông P ½ giá trị tài sản còn lại. Chưa nêu rõ phương án trường hợp tài sản bị kê biên, bán đấu giá thì hành án để Ngân hàng thu hồi nợ, tài sản không còn nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bổ sung thêm cho đầy đủ.

[7] Từ những phân tích trên thấy rằng kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ.

[9] Về án phí: Do kháng cáo của các đương sự không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 296; khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết M.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H về việc yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Vũ P. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 49/2025/NHGD-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cần Thơ, như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn của nguyên đơn ông Đoàn Vũ P đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H, các tài sản gồm:

- 01 xe mô tô hiệu Honda SH biển số đăng ký 65M1-101.65 mang tên Đoàn Vũ P;

- Nhà và đất theo GNNQSDĐ số: CP090641, sổ vào sổ cấp GNN: CS03414, cập nhật chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thúy H ngày 18/02/2019; tài sản tọa lạc tại C T, phường N (phường X, quận N cũ), thành phố Cần Thơ;

Ông Đoàn Vũ P sẽ được nhận $\frac{1}{2}$ tài sản chung bằng giá trị;

Bà Nguyễn Thị Thúy H được nhận $\frac{1}{2}$ tài sản chung bằng hiện vật;

Cụ thể:

- Giao 01 xe mô tô hiệu Honda SH, biển số 65M1-10165, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 65 016483; Số đăng ký 65M1-10165, do Công an quận N (cũ) cấp cho ông Đoàn Vũ P vào ngày 29/7/2023, cho bà Nguyễn Thị Thúy H; Bà H phải thanh toán lại cho ông P $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 72.500.000 đồng;

- Tạm giao cho bà Nguyễn Thị Thúy H tiếp tục quản lý sử dụng tài sản là nhà và đất tọa lạc tại C T, phường N (phường X, quận N cũ), thành phố Cần Thơ; Theo GNNQSDĐ số: CP090641, sổ vào sổ cấp GNN: CS03414, cập nhật chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thúy H ngày 18/02/2019. Sau khi ông P và bà H thực hiện xong nghĩa vụ theo Hợp đồng cho vay số 37/2019/HĐTD/PVB-PGDLT (“Hợp đồng tín dụng”) và Phụ lục Hợp đồng cho vay số: PL01-

37/2019/HĐTD/PVB-PGDLTT ngày 22/02/2019 đối với Ngân hàng TMCP Đ1, thì tài sản còn lại được chia theo tỷ lệ 1:1.

Bà Nguyễn Thị Thúy H phải thanh toán lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản còn lại tại thời điểm thanh toán cho ông Đoàn Vũ P. Sau khi bà H hoàn tất nghĩa vụ đối với các đương sự, bà H có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để cập nhật quyền sở hữu tài sản.

Trường hợp tài sản trên được kê biên, phát mãi (bán đấu giá) để Thi hành nghĩa vụ cho Ngân hàng thì sau khi Ngân hàng thu hồi nợ, số tiền còn lại được chia cho nguyên và bị đơn theo tỷ lệ 1:1.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Đ1, buộc ông Đoàn Vũ P và bà Nguyễn Thị Thúy H phải thanh toán cho P1 tổng số tiền : 549.813.782 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 545.732.006 đồng;

Nợ lãi: 4.081.776 đồng;

Ông Đoàn Vũ P và bà Nguyễn Thị Thúy H phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 20/9/2025 theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 37/2019/HĐTD/PVB-PGDLTT ("Hợp đồng tín dụng") và Phụ lục Hợp đồng cho vay số: PL01-37/2019/HĐTD/PVB-PGDLTT ngày 22/02/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Đoàn Vũ P và bà Nguyễn Thị Thúy H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì P1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 48/2019/HĐBĐ/PVB-PGDLTT ngày 22/02/2019 để thu hồi nợ.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Tuyết M đối với ông Đoàn Vũ P và bà Nguyễn Thị Thúy H;

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Vũ P đối với yêu cầu chia tài sản chung là:

- Thừa đất số 219, tờ bản đồ số 39, GNNQSDĐ số: CY467295, số vào sổ cấp GNN: CS11529, diện tích 126,5m² tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, được sở T1 cấp ngày 03/11/2020.

- Thừa đất số 218, tờ bản đồ số 39, GNNQSDĐ số: CY467296, số vào sổ cấp GNN: CS11530, diện tích 166,6m² tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, được sở T1 cấp ngày 22/10/2020.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí trên số tiền mình được nhận, mỗi người phải chịu 35.024.000 đồng.

- Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 là 25.992.000 đồng, mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ là 12.996.000 đồng;

Như vậy,

Tổng số tiền án phí nguyên đơn phải chịu là 48.020.000 đồng, nguyên đơn được khấu trừ trong số tiền 17.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0001345 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều (nay là Phòng Thi hành án Khu Vực 1). Nguyên đơn còn phải tiếp tục nộp số tiền 31.020.000 đồng;

Tổng số tiền án phí bị đơn phải chịu là 48.020.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng án phí cho yêu cầu không được chấp nhận, số tiền này bà M đã tạm ứng, theo biên lai thu số 0006038 ngày 14/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều (nay là Phòng Thi hành án Khu vực 1), nên xem như bà M đã thực hiện xong;

P1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.425.000 đồng, theo biên lai thu số 0006081 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều (nay là Phòng Thi hành án Khu vực 1).

6. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản:

Chi phí xem xét thẩm định và định tại chỗ là 9.132.460 đồng, chi phí định giá tài sản: 25.000.000 đồng, tổng số tiền là 34.132.460 đồng. Nguyên đơn và bị đơn mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ là 17.066.230 đồng. Do các bị đơn đã tạm ứng 20.000.000 đồng, nguyên đơn đã tạm ứng 14.132.460 đồng nên nguyên đơn phải hoàn trả lại cho bị đơn số tiền 2.933.770 đồng;

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp bị đơn đã 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng số 0005161 ngày 13/10/2025 của Thi hành án thành phố Cần Thơ, bà H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Đối với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tuyết M đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0005162, ngày 13/10/2025 của Thi hành án thành phố Cần Thơ được sung công quỹ Nhà nước.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

9. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 1 – Cần Thơ;
- PTHADS Khu vực 1 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy

